TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12 - 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Ông Trần Quang Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 297/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về yêu cầu ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị L**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đ 6, xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N.

2. Bị đơn: **Anh Trần Văn Ch**, sinh năm 1974 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ 6, xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N.

Hiện đang đi cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Văn Ch tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Ch nghiện ma tuý, hay phá phách, hiện tại ông Ch đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma tuý đã chức năng tỉnh Thái Nguyên. Nay bà xác định cuộc hôn nhân giữa bà và ông Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Ch có 02 con chung, con lớn là Trần Bích Th, sinh ngày 02/10/2004, hiện đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Con thứ hai là Trần Thuỳ D, sinh ngày 15/9/2006 bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2023 ông Trần Văn Ch xác định:

Ông và bà Hoàng Thị L tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N.Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng do ông nghiện ma tuý làm cho kinh tế gia đình bị ảnh hưởng nên khiến bà L phải suy nghĩ, này bà L làm đơn khởi kiện ly hôn ông nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Ông Ch xác định vợ chồng có 02 con chung, con lớn là Trần Bích Th, sinh ngày 02/10/2004, hiện đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Con thứ hai là Trần Thuỳ D, sinh ngày 15/9/2006 ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tại Biên bản làm việc ngày 17/11/2023 chị Trần Thuỳ D có quan điểm: Hiện chị đã lớn, không còn đi học, không cần bố mẹ nuôi dưỡng, chị đang sống tại nhà của bố mẹ cùng với bà nội, chị không muốn dọn đi nơi khác sống, muốn tiếp tục sống ở nhà của bố mẹ cùng với bà nội, nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

[4].Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hoàng Thị L, cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Trần Văn Ch.

+ Về con chung: Con chung là Trần Bích Th, sinh ngày 02/10/2004 đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao con chung là Trần Thuỳ D, sinh ngày 15/9/2006 cho bà L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Trần Văn Ch, cùng nơi ĐKHKTT: xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ T, tỉnh T N.

Quá trình giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được do ông Ch yêu cầu giải quyết vắng mặt, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa ông Trần Văn Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn Ch.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L và ông Trần Văn Ch tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương trên cơ sở tự nguyên từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B T, huyện Đ T, tỉnh T N năm 2010. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở xã B T, huyện Đ T. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Trần Văn Ch nghiện ma tuý dẫn tới kinh tế gia đình bị ảnh hưởng. Hiện ông Ch đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma tuý đa chức năng tỉnh T N theo quyết định của Toà án nhân dân huyện Đ T thời gian 15 tháng.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà L và ông Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận, cho bà L được ly hôn với ông Ch là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Bích Th, sinh ngày 02/10/2004 hiện đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên hai đương sự đều không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Con thứ hai là Trần Thuỳ D, sinh ngày 15/9/2006, ông Ch, bà L đều mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyện vọng chị D muốn được tiếp tục sống tại nhà của bố mẹ cùng với bà nội, vì hiện chị cũng đã lớn, không cần bố mẹ nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị D chưa đủ 18 tuổi nên cần phải giao cho bố hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Ch đang đi cai nghiện bắt buộc nên không đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao chị D cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.4]. Nợ chung: Đương sự xác định không có và không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Hoàng Thị L, cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Trần Văn Ch.

2. Về con chung: Đương sự xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Bích Th, sinh ngày 02/10/2004 và Trần Thuỳ D, sinh ngày 15/9/2006. Chị Trần Bích Th, sinh ngày 02/10/2004 hiện đã thành niên đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên hai đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao chị Trần Thuỳ D, sinh ngày 15/9/2006 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn Ch có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005106 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ T, tỉnh T N. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà L, vắng mặt bị đơn ông Ch. Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ T;
- Chi cục THADS huyện Đ T;
- TAND tỉnh T N;
- UBND xã B T, huyện Đ T;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Triệu Cẩm Chi

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 5 năm 2023

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thu Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, về yêu cầu ly hôn, con chung, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Chị Hoàng Thị Huyền, sinh năm 1993

+ **Bị đơn:** Anh Ân Văn Thiện, sinh năm 1993

Cùng nơi cư trú: Xóm Bình Ca, xã Minh Lập, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN,
BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

II. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Huyền, cho chị Hoàng Thị Huyền được ly hôn với anh Ân Văn Thiện. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Ân Quốc Huy sinh ngày 24/12/2017 và Ân Trúc Linh sinh ngày 23/9/2020 cho chị Hoàng Thị Huyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Ân Văn Thiện vì chị Hoàng Thị Huyền chưa có yêu cầu.

Anh Ân Văn Thiện có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung

. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

4. Án phí: Chị Hoàng Thị Huyền phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003745 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Hoàng Thị Huyền đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Huyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ân Văn Thiện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 5 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.